TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2026/LĐ-ST
Ngày: 23-07-2026.
V/v: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quí Hạc

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2026/TLST-LĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Bà Dương Thị T1, sinh ngày 11/05/1995, CCCD 046195009462 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/05/2022, Nơi cư trú: 118/9/37 khu phố A, phường T, thành phố Đ;

2. Ông Vũ Ngọc H, sinh ngày 25/07/1977, CCCD 034077015495 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021; Nơi cư trú: I, tổ A, khu phố P, phường T, thành phố Đ;

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh ngày 24/07/1979, CCCD 036079024222 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/06/2021; Nơi cư trú: D, khu phố G, phường L, thành phố Đ;

Cùng địa chỉ liên hệ: 14 H, phường T, thành phố Đ;

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 004601/2025/CCGD, ngày 14/11/2025 của Văn phòng C).

- Bị đơn: **Công ty TNHH S**;

Địa chỉ: Số F đường N, ấp T, xã T, thành phố Đ;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phúc T2 - Chức vụ: Giám đốc;

Nơi cư trú: Số H Hậu Giang, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố Đ;

Địa chỉ: B H, phường T, thành phố Đ;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Minh T3 - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: B, đường H, phường T, thành phố Đ.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Tháng 3/2021 ông Nguyễn Phước T được tuyển dụng vào làm việc cho Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là công ty), giữa ông và công ty có giao kết hợp đồng lao động, nhưng công ty không giao cho ông 01 bản theo quy định. Công việc làm là: công nhân tổ cắt. Mức lương cơ bản đóng BHXH trước khi nghỉ việc: 4.965.870 đồng/tháng.

Trong thời gian làm việc ông Nguyễn Phước T luôn hoàn thành nhiệm vụ nhưng ngày 05/11/2022, công ty có Quyết định số 172/2022/QĐTV-AFM cho ông Nguyên Phước T4 nghỉ việc kể từ ngày 05/11/2022, phần căn cứ ban hành công ty căn cứ vào "đơn xin nghỉ việc của ông Nguyễn Phước T". Tuy nhiên, thực tế ông Nguyễn Phước T không làm đơn xin nghỉ việc vì ông rất cần công việc để làm. Ông Nguyễn Phước T bắt đầu nghỉ việc tại Công ty TNHH S từ ngày 05/11/2022 sau khi ông nhận Quyết định giải quyết cho thôi việc.

Nhận thấy việc ông Nguyễn Phước T không viết đơn xin nghỉ việc nhưng công ty lại căn cứ đơn để cho ông nghỉ việc là không đúng quy định của pháp luật; đây là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Phước T. Nay ông Nguyễn Phước T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kính đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết với yêu cầu:

1. Tuyên bố Quyết định số 172/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 của Công ty TNHH S là trái pháp luật;

2. Buộc Công ty TNHH S thanh toán tiền lương trong thời gian ông không được làm việc tính từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/3/2025 là 28 tháng với mức lương mỗi tháng là 4.965.870 đồng x 28 tháng = 139.044.360 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH S thanh toán thêm khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 4.965.870 đồng x 02 tháng = 9.931.740 đồng;

4. Buộc Công ty TNHH S thực hiện nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN đối với ông trong thời gian không được làm việc, mức đóng và tỷ lệ đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Tổng cộng: 148.976.100 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm đồng).

** Bị đơn Công ty TNHH S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

** Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đ - bà Đinh Thị Phương H1 có văn bản trình bày:*

Qua tra cứu dữ liệu của ngành BHXH, ông Nguyễn Phước T, sinh ngày 01/01/1974, mã số BHXH 8922968583, có quá trình tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty TNHH S tháng 06/2021 đến tháng 10/2022. Ông Nguyễn Phước T đã hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với thời gian đóng BHTN tại Công ty TNHH S. Sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH S, ông Nguyễn Phước T có tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty TNHH MTV S1 từ tháng 03/2025 đến tháng 09/2025. Trường hợp Tòa án xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH S đối với ông Nguyễn Phước T là trái pháp luật thì công ty phải thực hiện nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đối với ông T theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tháng phải truy đóng trùng với thời gian ông Nguyễn Phước T đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại đơn vụ sử dụng lao động khác, thì thời gian này Công ty TNHH S chỉ phải truy đóng BHTNLĐ-BNN và tiền lãi truy thu theo quy định.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát khu vực 3-Đồng Nai có văn bản không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Phước T khởi kiện yêu cầu tuyên việc Công ty TNHH S chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông là trái pháp luật và yêu cầu giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, bị đơn Công ty TNHH S có trụ sở tại xã T, thành phố Đ. Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 3 - Đồng Nai, quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Công ty TNHH S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3.2] Về việc xác định quan hệ lao động:

Nguyên đơn trình bày giữa ông và công ty C1 có giao kết hợp đồng lao động, nhưng công ty không giao cho ông 01 bản theo quy định. Trong thời gian làm việc, ông làm việc thường xuyên, liên tục cho Công ty TNHH S với công việc là công nhân tổ cắt được trả lương hằng tháng và tham gia BHXH bắt buộc.

Xét thấy, tài liệu do Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp thể hiện ông Nguyễn Phước T có tham gia bảo BHXH tại Công ty TNHH S từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2022. Mức tiền lương đóng BHXH trước khi ông T nghỉ việc (đối với những tháng tham gia đóng BHXH) là 4.965.870 đồng/tháng. Ngoài ra, Công ty TNHH S còn ban hành Quyết định số 172/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 về việc giải quyết cho thôi việc đối với ông T.

Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Khoản 1 Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Căn cứ quá trình làm việc thực tế của ông T tại Công ty TNHH S, việc trả lương và tham gia BHXH bắt buộc, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Phước T và Công ty TNHH S tồn tại quan hệ lao động thực tế theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019.

[3.3] Về tính hợp pháp của việc chấm dứt hợp đồng lao động: Quyết định số 172/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 của Công ty TNHH S thể hiện căn cứ cho thôi việc là "xét đơn xin nghỉ việc của ông Nguyễn Phước T". Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận việc làm đơn xin nghỉ việc.

Bị đơn không có ý kiến trình bày, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.4] Khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định người sử dụng lao động chỉ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp luật định. Trong vụ án này, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Nguyễn Phước T tự nguyện nghỉ việc hoặc chứng minh việc chấm dứt hợp đồng lao động đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định Công ty TNHH S đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông Nguyễn Phước T.

[4] Về yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

[4.1] Trong vụ án này, nguyên đơn không yêu cầu được nhận trở lại làm việc mà chỉ yêu cầu thanh toán tiền lương trong thời gian không được làm việc và khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương.

[4.2] Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định trường hợp người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì phải trả tiền lương cho những ngày người lao động không được làm việc và phải trả thêm cho người lao động ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH S thanh toán tiền lương trong thời gian không được làm việc và khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Mức tiền lương làm căn cứ giải quyết vụ án được xác định theo tài liệu do Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cung cấp là 4.965.870 đồng/tháng.

[4.4] Sau khi ông T nghỉ việc tại Công ty TNHH S thì có đi làm tại Công ty TNHH MTV S1, đồng thời Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH S từ tháng 11/2022, ông T có tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty TNHH MTV S1 từ tháng 03/2025 đến tháng 09/2025. Vì vậy thời gian tính những ngày không được làm việc của ông T được tính từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/3/2025 là 28 tháng nên được chấp nhận.

Tiền lương trong thời gian ông T không được làm việc được xác định như sau: 4.965.870 đồng/tháng x 28 tháng = 139.044.360 đồng (một trăm ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

[4.5] Ngoài ra, Công ty TNHH S còn phải thanh toán cho ông T khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 4.965.870 đồng/tháng x 02 tháng = 9.931.740 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

[4.6] Do đó, tổng số tiền Công ty TNHH S phải trả cho ông Nguyễn Phước T là 148.976.100 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm đồng).

[5] Về yêu cầu liên quan đến BHXH, BHYT, BHTN:

Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định trường hợp người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì phải đóng BHXH, BHYT, BHTN cho những ngày người lao động không được làm việc. Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định người sử dụng lao động và người lao động phải tham gia BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 43 Luật Việc làm năm 2013 và Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHTN và BHYT.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/6/2026, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định ông Nguyễn Phước T có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH S và hiện đã hưởng trợ cấp BHXH một lần, trợ cấp thất nghiệp đối với thời gian tham gia BHXH, BHTN. Trường hợp Tòa án xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH S đối với ông Nguyễn Phước T là trái pháp luật thì công ty phải thực hiện nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đối với ông T theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy việc truy thu, điều chỉnh quá trình tham gia BHXH và giải quyết các chế độ BHXH nảy sinh thuộc thẩm quyền chuyên môn của cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, có căn cứ buộc Công ty TNHH S thực hiện nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN đối với ông Nguyễn Phước T đối với khoảng thời gian ông T không được làm việc do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 91, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 13, 36, 41, 168 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T đối với Công ty TNHH S về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động":

- Tuyên bố việc Công ty TNHH S chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Phước T theo Quyết định số 172/2022/QĐTV-AFM ngày 05/11/2022 là trái pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH S phải trả cho ông Nguyễn Phước T số tiền 148.976.100 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm đồng), gồm:

+ Tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/3/2025 là 139.044.360 đồng (một trăm ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

+ Tiền bồi thường ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.931.740 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Buộc Công ty TNHH S thực hiện nghĩa vụ về BHXH, BHYT, BHTN đối với ông Nguyễn Phước T đối với khoảng thời gian ông T không được làm việc do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 4.469.283 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm tám mươi ba đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**